

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 21/07/2023
Ông Trần Vĩnh Trinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21/07/2023
Bà Huỳnh Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/07/2023
Ông Nguyễn Minh Hoài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2023

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Huỳnh Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban	Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Huy Khôi, Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

lehoi Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Số: 14/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024 từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2023-240-1

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.847.233.120	93.012.376.216
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	21.799.771.938	39.928.561.063
1. Tiền	111		199.771.938	228.561.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.600.000.000	39.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	19.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	19.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.209.526.650	24.843.272.615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	23.724.105.735	23.970.717.006
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	317.812.119	157.942.706
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.167.608.796	714.612.903
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	131.143.390	364.375.626
1. Hàng tồn kho	141		131.143.390	364.375.626
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.706.791.142	8.376.166.912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	330.524.127	331.340.294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.110.180.782	7.582.253.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	266.086.233	462.572.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.755.864.318	415.720.477.787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		777.332.308	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		777.332.308	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		364.051.511.173	400.940.200.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	359.064.194.550	395.931.260.520
Nguyên giá	222		654.108.239.591	652.471.817.542
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.044.045.041)	(256.540.557.022)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.987.316.623	5.008.939.843
Nguyên giá	228		5.142.799.409	5.142.799.409
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.482.786)	(133.859.566)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.636.928.445	10.109.240.015
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	10.636.928.445	10.109.240.015
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.290.092.392	4.671.037.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.668.767.669	1.828.504.198
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.621.324.723	2.842.533.211
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		447.603.097.438	508.732.854.003

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		88.143.654.084	154.201.205.521
I. Nợ ngắn hạn	310		38.143.654.084	48.234.584.722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	864.306.298	1.956.133.229
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	3.961.984.948	3.231.972.358
3. Phải trả người lao động	314		11.090.451.194	12.733.209.461
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	109.996.034	210.579.224
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	19.174.801.809	28.791.959.149
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.942.113.801	1.310.731.301
II. Nợ dài hạn	330		50.000.000.000	105.966.620.799
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	50.000.000.000	105.966.620.799
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.459.443.354	354.531.648.482
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	359.459.443.354	354.531.648.482
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.964.231.898	20.036.437.026
LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước	421a		3.482.076.726	3.831.172.146
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.482.155.172	16.205.264.880
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		447.603.097.438	508.732.854.003



Lê Huy Khôi
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Minh Hoài
 Phụ trách kế toán

Diệp Lệ Trúc Xuyên
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	137.853.540.657	149.383.100.463
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.853.540.657	149.383.100.463
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	72.116.878.629	76.095.478.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.736.662.028	73.287.622.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.673.729.041	2.253.824.695
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.740.532.328	10.781.698.101
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.740.532.328	10.780.624.514
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	17.857.693.020	19.061.537.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.812.165.721	45.698.211.572
11. Thu nhập khác	31	5.6	8.074	10.000.000
12. Chi phí khác	32	5.7	756.986	135.844.954
13. Lợi nhuận khác	40		(748.912)	(125.844.954)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.811.416.809	45.572.366.618
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	4.659.316.137	2.695.188.938
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.152.100.672	42.877.177.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	1.040	1.090
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	1.040	1.090



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Minh Hoài
Phụ trách kế toán

Diệp Lệ Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.811.416.809	45.572.366.618
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.622.577.193	39.457.010.686
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(54.003)	(2.220.434)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.672.792.112)	(2.104.497.379)
Chi phí lãi vay	06		6.740.532.328	10.780.624.514
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		86.501.680.215	93.703.284.005
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.262.770.693	366.342.130
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		520.672.844	(125.819.533)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.625.410.477)	2.446.914.670
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		160.552.696	(187.572.677)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.900.289.634)	(10.805.105.078)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.462.829.430)	(3.055.013.440)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		35.000.000	650.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.956.010.500)	(4.131.794.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.536.136.407	78.861.235.496
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.641.696.515)	(2.090.190.794)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.000.000.000)	(30.601.850.110)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.500.000.000	26.968.876.720
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.717.489.519	1.920.082.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.575.793.004	(3.803.081.822)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(105.966.620.799)	(40.741.984.558)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(36.274.151.740)	(27.734.257.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.240.772.539)	(68.476.241.878)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(18.128.843.128)	6.581.911.796
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.928.561.063	33.344.428.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.003	2.220.434
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		21.799.771.938	39.928.561.063



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Minh Hoài
Phụ trách kế toán

Diệp Lệ Trúc Xuyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 07 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 67 (31/12/2022: 65).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại KonTum	Thôn Măng Đen, Thị Trấn Măng Đen, Huyện Kon Plong, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị	Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án thủy điện, phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho còn lại và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2023
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Đối với máy móc, thiết bị và phương tiện truyền dẫn của Nhà máy Thủy điện Đăk Ponê bao gồm: thiết bị thủy điện, đường ống áp lực, đường dây và trạm biến áp nâng. Công ty khấu hao trong thời gian sử dụng hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy tính như sau:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| | <u>Năm 2023</u> |
| ▪ Phần mềm máy tính | 5 – 10 năm |

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay và chi phí dịch vụ kỹ thuật liên quan đến nhà máy Thủy điện Đăk - rông. Chi phí lãi vay dự trả được ước tính trên số dư gốc vay và lãi suất vay theo các hợp đồng tín dụng. Chi phí dịch vụ kỹ thuật được ước tính dựa trên các hợp đồng liên quan đến chi phí thực tế đã phát sinh.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pône Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm TM 7 “Báo cáo bộ phận” trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		22.525.834		80.987.666
Tiền gửi ngân hàng		177.246.104		147.573.397
+ VND		175.410.776		68.506.072
+ USD	76,06 #	1.835.328	3.376,06 #	79.067.325
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		21.600.000.000		39.700.000.000
Cộng		21.799.771.938		39.928.561.063

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	23.724.105.735	23.970.717.006
Cộng	23.724.105.735	23.970.717.006
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	23.724.105.735	23.970.717.006

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ Tuấn Minh	156.121.142	-
Trung tâm Thẩm định và Kiểm định Tài nguyên nước	135.676.327	135.676.327
Các đối tượng khác	26.014.650	22.266.379
Cộng	317.812.119	157.942.706

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Lãi dự thu	303.736.985	-	348.442.466	-
Phải thu khác	863.871.811	-	366.170.437	-
Cộng	1.167.608.796	-	714.612.903	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	777.332.308	-	-	-
Cộng	777.332.308	-	-	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.500.000	-	13.000.000	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	131.143.390	-	364.375.626	-
Cộng	131.143.390	-	364.375.626	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí kiểm định, bảo hiểm, chi phí khác	330.524.127	331.340.294
Cộng	330.524.127	331.340.294
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	679.256.536	977.847.807
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí khác	989.511.133	850.656.391
Cộng	1.668.767.669	1.828.504.198

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	428.207.924.798	205.075.791.127	18.698.633.644	489.467.973	652.471.817.542
Mua trong năm	-	269.275.483	942.710.259	99.727.273	1.311.713.015
XDCB hoàn thành	-	488.399.034	-	-	488.399.034
Giảm khác	-	(163.690.000)	-	-	(163.690.000)
Tại ngày 31/12/2023	428.207.924.798	205.669.775.644	19.641.343.903	589.195.246	654.108.239.591
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	127.815.429.126	118.138.157.449	10.156.194.958	430.775.489	256.540.557.022
Khấu hao trong năm	20.983.856.616	16.685.841.366	859.481.006	71.774.985	38.600.953.973
Giảm khác	-	(97.465.954)	-	-	(97.465.954)
Tại ngày 31/12/2023	148.799.285.742	134.726.532.861	11.015.675.964	502.550.474	295.044.045.041
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	300.392.495.672	86.937.633.678	8.542.438.686	58.692.484	395.931.260.520
Tại ngày 31/12/2023	279.408.639.056	70.943.242.783	8.625.667.939	86.644.772	359.064.194.550

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 226.226.126.709 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.097.629.243 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2023	-	133.859.566	133.859.566
Khấu hao trong năm	-	21.623.220	21.623.220
Tại ngày 31/12/2023	-	155.482.786	155.482.786
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	4.857.693.636	151.246.207	5.008.939.843
Tại ngày 31/12/2023	4.857.693.636	129.622.987	4.987.316.623

Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – Giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 68.873.653 VND.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự án công trình nhà máy thủy điện Đăk Pônê (nâng đập hồ A và xây dựng cụm nhà máy hồ B)	7.426.893.431	7.375.543.384
Biệt thự PC3-INVEST	784.430.556	299.403.400
Dự án điện gió Tân Lập	2.425.604.458	2.395.604.458
Cải tạo TBA35 và SCADA Đăk Rông	-	38.688.773
Cộng	10.636.928.445	10.109.240.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Phú Hùng	-	-	997.477.195	997.477.195
Công ty TNHH Hoàng Dũng Quảng Trị	20.261.199	20.261.199	414.823.984	414.823.984
Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn	29.626.566	29.626.566	474.537.102	474.537.102
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Năng lượng Xanh	303.505.325	303.505.325	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng A.P.E.N	352.743.531	352.743.531	-	-
Các đối tượng khác	158.169.677	158.169.677	69.294.948	69.294.948
Cộng	864.306.298	864.306.298	1.956.133.229	1.956.133.229

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	50.821.918	210.579.224
Chi phí phải trả khác	59.174.116	-
Cộng	109.996.034	210.579.224

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ tức phải trả	19.093.960.440	28.696.199.380
Phải trả khác	80.841.369	95.759.769
Cộng	19.174.801.809	28.791.959.149

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan -
Xem thêm mục 8

13.034.450.000

20.855.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.623.604.382	12.698.032.453	11.926.042.757	-	851.614.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.086.233	-	4.659.316.137	4.462.829.430	462.572.940	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.811.165	2.706.727.692	2.774.685.237	-	88.768.710
Thuế tài nguyên	-	1.705.886.201	10.886.464.481	10.833.752.710	-	1.653.174.430
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	7.244.975	7.244.975	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Thuế khác, phí và lệ phí	-	611.683.200	5.533.920.776	5.560.652.108	-	638.414.532
Cộng	266.086.233	3.961.984.948	36.496.706.514	35.570.207.217	462.572.940	3.231.972.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt	-	-	-	105.966.620.799	105.966.620.799	105.966.620.799
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	105.966.620.799	105.966.620.799	105.966.620.799

Vay dài hạn:

- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

(*) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 230/2023/CVTDHVCB-KHDN ngày 20/12/2023:

- Số tiền vay: 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên đến hết ngày 05/02/2027;
- Lãi suất vay trong hạn: Trong năm đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên: 6 tháng đầu: 5,3%/năm; 6 tháng sau: 6,8%/năm. Các năm tiếp theo: lãi suất cơ sở + Biên độ 2,2%/năm;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;
- Mục đích vay: Cho vay trả nợ gốc trước hạn cho Khoản vay của Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt để đầu tư dự án: Thủy điện Đa Krông 1 tại xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014 và các Phụ lục, các Văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm;
- Bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty và máy móc thiết bị hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2022	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	34.385.027.946		368.880.239.402
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.877.177.680		42.877.177.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.492.060.000)		(3.492.060.000)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(389.883.000)		(389.883.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(53.343.825.600)		(53.343.825.600)
Tại ngày 01/01/2023	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	20.036.437.026		354.531.648.482
Lãi trong năm nay	-	-	-	38.152.100.672		38.152.100.672
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.255.576.000)		(6.255.576.000)
Trích quỹ thường ban điều hành (*)	-	-	-	(296.817.000)		(296.817.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(26.671.912.800)		(26.671.912.800)
Tại ngày 31/12/2023	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	24.964.231.898		359.459.443.354

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 và tạm ứng cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 106/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 và các Quyết định của Hội đồng quản trị số 126/QĐ-HĐQT ngày 01/08/2023 và Quyết định số 156/QĐ-HĐQT ngày 14/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	246.989.600.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	86.409.310.000
Cộng	333.398.910.000	333.398.910.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	333.398.910.000	333.398.910.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	333.398.910.000	333.398.910.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	38.152.100.672	42.877.177.680
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.483.678.517	6.552.393.000
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.668.422.155	36.324.784.680
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	33.339.891	33.339.891
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.040	1.090

4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	38.152.100.672	42.877.177.680
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.483.678.517	6.552.393.000
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	34.668.422.155	36.324.784.680
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	33.339.891	33.339.891
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.040	1.090

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo kế hoạch năm 2023 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 106/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 106/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023.

4.16.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 106/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 11% trên vốn điều lệ (tương ứng 36.673.880.100 VND). Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2022 là 8% (tương ứng 26.671.912.800 VND).

Quyết định Hội đồng quản trị số 126/QĐ-HĐQT ngày 01/08/2023, Hội đồng quản trị đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 3% (tương ứng 10.001.967.300 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 29/08/2023 và thực hiện chi trả từ ngày 28/09/2023.

Quyết định Hội đồng quản trị số 156/QĐ-HĐQT ngày 14/12/2023, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 5% (tương ứng 16.669.945.500 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 28/12/2023 và thực hiện chi trả từ ngày 29/01/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	1.131.301.456
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	1.131.301.456

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
Tiền (USD)	76,06	3.376,06

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	137.853.540.657	149.383.100.463
Cộng	137.853.540.657	149.383.100.463
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	137.853.540.657	149.383.100.463

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn điện thương phẩm	72.116.878.629	76.095.478.301
Cộng	72.116.878.629	76.095.478.301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	1.672.784.038	2.240.231.999
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	891.000	11.372.262
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	54.003	2.220.434
Cộng	1.673.729.041	2.253.824.695

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	6.740.532.328	10.780.624.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	1.073.587
Cộng	6.740.532.328	10.781.698.101

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.119.714.546	12.032.714.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.186.968	84.180.005
Chi phí bằng tiền khác	6.639.791.506	6.944.642.403
Cộng	17.857.693.020	19.061.537.184

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý TSCĐ	8.074	-
Thu nhập khác	-	10.000.000
Cộng	8.074	10.000.000

5.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tháo dỡ 269m ĐZ35kV ĐR1	-	135.734.620
Chi phí khác	756.986	110.334
Cộng	756.986	135.844.954

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.549.073.951	2.737.027.581
Chi phí nhân công	23.080.903.388	24.982.057.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.622.577.193	39.457.010.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.243.640.580	2.354.333.264
Chi phí khác bằng tiền	22.478.376.537	25.626.586.542
Cộng	89.974.571.649	95.157.015.485

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.811.416.809	45.572.366.618
- Hoạt động được ưu đãi (Nhà máy Đăk Pône)	40.373.100.924	43.535.092.969
- Hoạt động không được ưu đãi	2.438.315.885	2.037.273.649
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	998.678.743	1.173.784.555
- Chi phí không được trừ	998.678.743	1.173.784.555
+ Hoạt động được ưu đãi	698.238.574	823.596.778
+ Hoạt động không được ưu đãi	300.440.169	350.187.777
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	54.003	2.220.434
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	54.003	2.220.434
+ Hoạt động được ưu đãi	33.202	1.375.019
+ Hoạt động không được ưu đãi	20.801	845.415
Tổng thu nhập chịu thuế	43.810.041.549	46.743.930.739
- Hoạt động được ưu đãi	41.071.306.297	44.357.314.728
- Hoạt động không được ưu đãi	2.738.735.252	2.386.616.011
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Hoạt động được ưu đãi	10%	10%
+ Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.654.877.680	4.913.054.675
Giảm 50% thuế TNDN (Ưu đãi thuế TNDN)	-	2.217.865.737
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.659.316.137	2.695.188.938
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.654.877.680	2.695.188.938
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	4.438.457	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	105.966.620.799	40.741.984.558
Cộng	105.966.620.799	40.741.984.558

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Quảng Trị
- Chi nhánh Kon Tum

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khu vực địa lý	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	84.755.375.025	92.506.489.950	53.098.165.632	56.876.610.513	137.853.540.657	149.383.100.463
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	84.755.375.025	92.506.489.950	53.098.165.632	56.876.610.513	137.853.540.657	149.383.100.463
Giá vốn hàng bán	-	-	33.631.260.375	37.465.904.175	38.485.618.254	38.629.574.126	72.116.878.629	76.095.478.301
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	51.124.114.650	55.040.585.775	14.612.547.378	18.247.036.387	65.736.662.028	73.287.622.162
Doanh thu hoạt động tài chính	1.673.603.795	2.253.731.659	75.283	41.282	49.963	51.754	1.673.729.041	2.253.824.695
Chi phí tài chính	-	1.073.587	-	-	6.740.532.328	10.780.624.514	6.740.532.328	10.781.698.101
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.973.283.909	17.428.261.943	929.886.556	712.232.479	954.522.555	921.042.762	17.857.693.020	19.061.537.184
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(14.299.680.114)	(15.175.603.871)	50.194.303.377	54.328.394.578	6.917.542.458	6.545.420.865	42.812.165.721	45.698.211.572
Thu nhập khác	-	-	-	-	8.074	10.000.000	8.074	10.000.000
Chi phí khác	561.094	110.334	127.896	-	67.996	135.734.620	756.986	135.844.954
Lợi nhuận khác	(561.094)	(110.334)	(127.896)	-	(59.922)	(125.734.620)	(748.912)	(125.844.954)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.300.241.208)	(15.175.714.205)	50.194.175.481	54.328.394.578	6.917.482.536	6.419.686.245	42.811.416.809	45.572.366.618
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.438.457	-	4.107.130.630	2.217.865.736	547.747.050	477.323.202	4.659.316.137	2.695.188.938
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(14.304.679.665)	(15.175.714.205)	46.087.044.851	52.110.528.842	6.369.735.486	5.942.363.043	38.152.100.672	42.877.177.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Vấn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tài sản của bộ phận	60.533.308.543	81.581.256.234	145.478.792.112	158.734.086.582	241.590.996.783	268.417.511.187	447.603.097.438	508.732.854.003
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	60.533.308.543	81.581.256.234	145.478.792.112	158.734.086.582	241.590.996.783	268.417.511.187	447.603.097.438	508.732.854.003
Nợ phải trả của bộ phận	28.452.809.479	37.017.756.074	5.382.109.988	7.309.289.764	54.308.734.637	109.874.159.683	88.143.654.084	154.201.205.521
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	28.452.809.479	37.017.756.074	5.382.109.988	7.309.289.764	54.308.734.637	109.874.159.683	88.143.654.084	154.201.205.521

	Vấn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí khấu hao	98.186.968	84.180.005	13.125.053.755	14.031.761.754	25.399.336.470	25.341.068.927	38.622.577.193	39.457.010.686

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
2. Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung
3. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà
4. Công ty Điện lực Kon Tum
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Cùng chung Công ty mẹ
 Cùng chung Công ty mẹ
 Cùng chung Công ty mẹ
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu / phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	23.724.105.735	23.970.717.006
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	23.724.105.735	23.970.717.006

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khác: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.500.000	13.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.5	9.500.000	13.000.000

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả khác: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	12.349.480.000 684.970.000	19.759.168.000 1.095.952.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.13	13.034.450.000	20.855.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	137.853.540.657	149.383.100.463
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	<u>137.853.540.657</u>	<u>149.383.100.463</u>

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	113.418.174	268.494.625
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	236.118.616	398.458.160
Công ty Điện lực Kon Tum	65.348.292	-
Cộng	<u>414.885.082</u>	<u>666.952.785</u>

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chia cổ tức:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.759.168.000	39.518.336.000
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	1.095.952.000	2.191.904.000
Cộng	<u>20.855.120.000</u>	<u>41.710.240.000</u>

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	61.660.800	63.648.000
Ông Lê Huy Khởi	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	-	-
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	37.128.000	63.648.000
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	66.468.000	63.648.000
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	61.660.800	63.648.000
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	19.228.800	-
Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 24/05/2022)	-	24.039.000
Bà Huỳnh Thị Thuý Dương	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	-	-
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	24.036.000	-
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	24.036.000	-
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	37.128.000	63.648.000
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	37.128.000	63.648.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	122.687.036	-
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	404.764.500	663.502.046
Ông Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	7.956.000	10.764.000
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	7.956.000	10.764.000
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT	7.956.000	10.764.000
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT	7.956.000	10.764.000
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 30/06/2023)	433.922.286	146.810.000
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc	489.112.036	572.984.995
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	489.027.036	237.516.000
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 01/06/2022)	100.895.750	552.092.236
Bà Huỳnh Thị Thuý Dương	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	103.284.400	-
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	281.898.500	498.328.000
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	7.956.000	10.764.000
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên BKS (Hết nhiệm kỳ ngày 30/06/2023)	7.956.000	10.764.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Minh Hoài
Phụ trách kế toán

Diệp Lệ Trúc Xuyên
Người lập